

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 46/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ B, phường A, Tp Đà Nẵng.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ B, phường A, Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị H kết hôn vào năm vào năm 2008, tại UBND phường H, quận C, Tp Đà Nẵng. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, thường xuyên xảy ra bất đồng, không hòa hợp trong cách sống, thường xuyên cãi vã, mặc dù đã cố gắng nhưng không thể hàn gắn được, hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài được cuộc sống chung. Nay ông T và bà H không thể tiếp tục chung sống, nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận cho ông bà thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị H là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị H không có con chung.

Xét thấy sự thỏa thuận của bà T và bà H là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Lệ phí Tòa án: Ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị H mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 018 đăng ký ngày 31/3/2008 của UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (cũ))

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị H mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0000025 ngày 23/01/2026, ông T và bà H đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- UBND phường An Khê, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bàng